TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2020
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh**.**
Hội thẩm nhân dân**:** 1. Ông Hà Minh Tấn
2. Bà Trần Thị Năm

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Công chức Tòa án nhân dân huyện TÂN T .

Ngày 06 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện TÂN T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 16/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03/01/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Công D ,** sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn TÂN T , huyện TÂN T , tỉnh Long An
2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Mỹ T ,** sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn TÂN T , huyện TÂN T , tỉnh Long An
(Bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của ông Nguyễn Công D trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Anh D và chị T tự nguyện chung sống từ năm 2009 và đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND thị trấn Cần T , huyện Cần G , thành phố Hồ Chí Minh. Anh chị chung sống hạnh phúc kéo dài được 8 năm thì xảy ra mâu thuẫn do giữa vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, không hòa giải được dẫn đến hôn nhân không được hạnh phúc. Anh và chị T đã ly thân hơn 01 năm nhưng đến

nay vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Do đó, Anh D quyết định ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T .

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh T sinh ngày 09/02/2010 và Nguyễn Huỳnh A , sinh ngày 16/10/2011. Khi ly hôn Anh D yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 24/10/2019; thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 11/11/2019. Nhưng tại hai buổi tòa án tổ chức hòa giải chị Nguyễn Thị Mỹ T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó trong hồ sơ không thể hiện ý kiến của chị T .

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn chị T vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 16/12/2019 nhưng tại phiên tòa ngày 03/01/2020, chị T vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tòa án đã có quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03/01/2020 và Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho chị T . Tại phiên tòa hôm nay, ngày 06/02/2020 chị T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh D và chị T kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cần T , huyện Cần G , thành phố Hồ Chí Minh, nên hôn nhân của Anh D và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của Anh D và chị T , theo trình bày của anh Dân, giữa anh và chị T luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, không hòa giải được dẫn đến hôn nhân không được hạnh phúc. Anh và chị T đã ly thân hơn

01 năm, đến nay giữa Anh D và chị T vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn. Do đo, Anh D yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị T .

Tại phiên Tòa Anh D cương quyết xin ly hôn. Chị T vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nên không thể hiện ý kiến. Xét thấy thời gian giữa Anh D và chị T chung sống có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Anh D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh D và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh T , sinh ngày 09/02/2010; cháu Nguyễn Huỳnh A , sinh ngày 16/10/2011. Khi ly hôn, Anh D yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Căn cứ vào khoản 2 điều 81 luật Hôn nhân gia đình quy định: "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Cháu Trâm, cháu Huỳnh A có văn bản trình bày ý kiến đề nghị được sống với cha. Như vậy, theo nguyện vọng của cháu Trâm và cháu Huỳnh A thể hiện tại bản tự khai thì cháu Trâm và cháu Huỳnh A có nguyện vọng được sống với anh Dân. Thấy rằng trong thời gian Anh D và chị T sống ly thân, Anh D trực tiếp nuôi cháu Trân và cháu Huỳnh A . Anh D vẫn đảm bảo đầy đủ quyền lợi của các con nên giao con chung cho Anh D nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 điều 81 luật Hôn nhân gia đình. Về phần cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, Anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công D

1. Về hôn nhân: anh Nguyễn Công D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T

2. Về con chung: Anh Nguyễn Công D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh T , sinh ngày 09/02/2010; Nguyễn Huỳnh A , sinh ngày 16/10/2011. Anh Nguyễn Công D không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Công D phải chịu 300.000 đồng án phí khi ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Anh D đã nộp theo biên lai thu số 0000632, ngày 24/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÂN T sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện TÂN T ;
- THA huyệnTÂN T ;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Ánh